

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG

Khu phố Trung Lương, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Xí nghiệp Bao bì Lương thực Tiền Giang thuộc Công ty Lương Thực Tiền Giang - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam theo Quyết định số 4439/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200568151 ngày 01/04/2005 và đăng ký thay đổi các lần với thay đổi gần nhất lần thứ 09 ngày 31/05/2024 về việc cập nhật thông tin về chức danh của người đại diện pháp luật của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: TIEN GIANG PACKAGING JOINTSTOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: TIGIPACK.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 31/05/2024 là 11.900.000.000 VND (Bằng chữ: Mười một tỷ, chín trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã BTG.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu phố Trung Lương, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lương Thành Phúc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chuyên trách (Bổ nhiệm từ ngày 27/4/2024)
Ông Trần Văn Quân	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2024)
Ông Hoàng Anh Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên
Ông Nguyễn Phạm Gia Bảo	Thành viên
Ông Trần Văn Tường	Thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương	Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 27/4/2024)
Ông Nguyễn Tấn Hưng	Thành viên
Ông Trịnh Hồng Long	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Tài	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2024)

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Anh Tú	Giám đốc
------------------	----------

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Hoàng Anh Tú

Giám đốc

Tiền Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Số: 78/2025/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang, được lập ngày 28/02/2025 từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Mai Hoa**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Lưu Minh Tới**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		15.423.625.098	15.104.940.014
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	636.510.451	1.694.908.707
1. Tiền	111		636.510.451	194.908.707
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.665.509.533	4.457.942.385
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	8.463.361.853	5.295.769.427
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	105.730.000	54.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	54.618.600	55.013.078
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(958.200.920)	(946.840.120)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	6.935.367.413	8.911.556.497
1. Hàng tồn kho	141		6.935.367.413	8.911.556.497
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		186.237.701	40.532.425
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	186.237.701	40.532.425
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		3.334.897.196	3.697.715.461
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.325.886.973	3.677.892.962
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	3.247.886.973	3.677.892.962
- Nguyên giá	222		23.249.734.991	23.249.734.991
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.001.848.018)	(19.571.842.029)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	78.000.000	-
- Nguyên giá	228		90.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.000.000)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.010.223	19.822.499
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	9.010.223	19.822.499
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		18.758.522.294	18.802.655.475

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.454.075.824	448.272.712
I. Nợ ngắn hạn	310		1.454.075.824	448.272.712
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	1.153.100.100	82.095.750
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	40.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	127.971.822	40.183.505
4. Phải trả người lao động	314		85.215.070	251.477.607
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	54.766.922	32.269.036
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	32.140.539	1.365.443
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		881.371	881.371
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		17.304.446.470	18.354.382.763
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	17.304.446.470	18.354.382.763
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.900.000.000	11.900.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.900.000.000	11.900.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.772.917.414	7.772.917.414
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.553.704.999	1.553.704.999
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.922.175.943)	(2.872.239.650)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(2.872.239.650)	(3.114.087.229)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(1.049.936.293)	241.847.579
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		18.758.522.294	18.802.655.475

Tiền Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Trương Nhã Trúc

Trương Nhã Trúc

Hoàng Anh Tú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	40.797.744.320	50.836.456.730
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		40.797.744.320	50.836.456.730
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	38.579.059.008	47.716.871.920
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.218.685.312	3.119.584.810
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.224.976	83.333.434
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.4	266.358.772	801.767.685
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	2.785.345.826	2.794.347.909
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(827.794.310)	(393.197.350)
11. Thu nhập khác	31	6.5	22.707	759.527.190
12. Chi phí khác	32	6.5	222.164.690	124.482.261
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.5	(222.141.983)	635.044.929
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(1.049.936.293)	241.847.579
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(1.049.936.293)	241.847.579
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	(882)	203

Tiền Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Người lập

Phụ trách kế toán




Trương Nhã Trúc

Trương Nhã Trúc



Hoàng Anh Tú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.049.936.293)	241.847.579
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		442.005.989	420.601.701
- Các khoản dự phòng	03		11.360.800	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.997.384)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.227.592)	(842.846.752)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(601.794.480)	(180.397.472)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.218.927.948)	1.121.819.404
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.976.189.084	(646.450.107)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		951.803.112	(651.654.231)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(134.893.000)	(31.691.674)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.027.623.232)	(388.374.080)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(36.000.000)	(2.400.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	759.513.318
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.227.592	83.333.434
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(32.772.408)	(1.557.153.248)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.060.395.640)	(1.945.527.328)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.694.908.707	3.640.436.035
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.997.384	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	5.1	636.510.451	1.694.908.707

Tiền Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Người lập

Phụ trách kế toán

Trương Nhã Trúc

Trương Nhã Trúc



Hoàng Anh Tú

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang được chuyển đổi từ Xí nghiệp Bao bì Lương thực Tiền Giang thuộc Công ty Lương thực Tiền Giang - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam theo Quyết định số 4439/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200568151 ngày 01/04/2005 và đăng ký thay đổi các lần với thay đổi gần nhất là lần thứ 09 ngày 31/05/2024 về việc cập nhật thông tin về chức danh của người đại diện pháp luật của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: TIEN GIANG PACKAGING JOINTSTOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: TIGIPACK.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 31/05/2024 là 11.900.000.000 VND (*Bằng chữ: Mười một tỷ, chín trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã BTG.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu phố Trung Lương, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 70 người (tại ngày 31/12/2023 là 60 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- + Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu bao bì các loại.
- + Nhập khẩu nguyên liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng.
- + Chuyển giao công nghệ thuộc ngành bao bì.
- + Kinh doanh lương thực.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất kinh doanh Bao bì và bán gạo.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục được phân loại là tài sản: Áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục được phân loại là nợ phải trả: Áp dụng theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào Tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá trị của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá trị của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03
Thiết bị dụng cụ quản lý	06 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chính sau: Chi phí tiền điện và chi phí khác.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban Giám đốc: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bao bì và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	138.300.000	30.208.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	498.210.451	164.700.707
Các khoản tương đương tiền	-	1.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	1.500.000.000
Tổng	636.510.451	1.694.908.707

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Trang trại sạch	994.130.477	960.046.200
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	640.000.000	640.000.000
Công ty Lương thực Tiền Giang	879.233.528	2.083.649.357
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngọc Quang Phát	2.230.684.309	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	1.036.260.000	-
Phải thu các đối tượng khác	2.683.053.539	1.612.073.870
Tổng	8.463.361.853	5.295.769.427

Trong đó:

*Phải thu khách hàng là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

1.744.561.596	3.240.497.657
----------------------	----------------------

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các đối tượng khác	105.730.000	54.000.000
Tổng	105.730.000	54.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.4 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
BHXY, BHYT, BHTN	39.618.600	-	39.393.900	-
thu lại của NLĐ				
Lãi dự thu	-	-	619.178	-
Tổng	54.618.600	-	55.013.078	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.902.897.146	-	1.958.087.994	-
Công cụ, dụng cụ	92.508.210	-	98.821.957	-
Chi phí SX KDDD	1.841.222.652	-	1.870.149.222	-
Thành phẩm	3.097.875.405	-	4.983.633.324	-
Hàng hóa	864.000	-	864.000	-
Tổng	6.935.367.413	-	8.911.556.497	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.6 Nợ xấu	31/12/2024 (VND)					01/01/2024 (VND)				
	Đối tượng	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	
	Công ty Lương thực và Bao bì Đồng Tháp	Trên 03 năm	22.721.600	(22.721.600)	-	Trên 03 năm	22.721.600	(11.360.800)	-	
	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực Phẩm Cà Mau	Trên 03 năm	640.000.000	(640.000.000)	-	Trên 03 năm	640.000.000	(640.000.000)	-	
	Công ty Cổ phần Dabaco Tiền Giang	Trên 03 năm	62.526.820	(62.526.820)	-	Trên 03 năm	62.526.820	(62.526.820)	-	
	Doanh nghiệp tư nhân Thiên Thanh	Trên 03 năm	232.952.500	(232.952.500)	-	Trên 03 năm	232.952.500	(232.952.500)	-	
	Tổng		958.200.920	(958.200.920)	-		958.200.920	(946.840.120)	-	

5.7 Chi phí trả trước		31/12/2024		01/01/2024	
		VND		VND	
	Ngắn hạn				
	Các khoản khác	186.237.701	40.532.425		
		186.237.701	40.532.425		
	Dài hạn	9.010.223	19.822.499		
	Các khoản khác	9.010.223	19.822.499		
	Tổng	195.247.924	60.354.924		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND						
NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	5.119.533.862	16.632.210.771	1.247.841.868	44.732.728	205.415.762	23.249.734.991
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	5.119.533.862	16.632.210.771	1.247.841.868	44.732.728	205.415.762	23.249.734.991
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2024	5.015.520.798	13.222.794.106	1.083.378.635	44.732.728	205.415.762	19.571.842.029
Tăng trong năm	25.968.821	320.000.004	84.037.164	-	-	430.005.989
Khấu hao trong năm	25.968.821	320.000.004	84.037.164	-	-	430.005.989
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	5.041.489.619	13.542.794.110	1.167.415.799	44.732.728	205.415.762	20.001.848.018
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày ngày 01/01/2024	104.013.064	3.409.416.665	164.463.233	-	-	3.677.892.962
Tại ngày ngày 31/12/2024	78.044.243	3.089.416.661	80.426.069	-	-	3.247.886.973

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 17.775.011.299 VND (tại ngày 01/01/2024 là 17.658.307.315 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	-	-
Tăng trong năm	90.000.000	90.000.000
Mua trong năm	90.000.000	90.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	90.000.000	90.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	-	-
Tăng trong năm	12.000.000	12.000.000
Khấu hao trong năm	12.000.000	12.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	12.000.000	12.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày ngày 31/12/2024	78.000.000	78.000.000

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tân Việt Sinh	305.240.100	305.240.100	82.095.750	82.095.750
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Tỷ Vinh	278.000.000	278.000.000	-	-
Công ty TNHH Nhựa NMA	220.000.000	220.000.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Vĩnh Cường	255.600.000	255.600.000	-	-
Các đối tượng khác	94.260.000	94.260.000	-	-
Tổng	1.153.100.100	1.153.100.100	82.095.750	82.095.750

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp	40.183.505	559.928.027	472.139.710	127.971.822
Thuế GTGT	37.723.505	440.129.711	350.101.394	127.751.822
Thuế thu nhập cá nhân	2.460.000	6.583.265	8.823.265	220.000
Thuế tài nguyên	-	733.440	733.440	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	109.481.611	109.481.611	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trích trước tiền điện	50.566.922	27.405.400
Chi phí khác	4.200.000	4.863.636
Tổng	54.766.922	32.269.036

5.13 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	22.753.600	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.386.939	1.365.443
Tổng	32.140.539	1.365.443

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	11.900.000.000	7.772.917.414	1.553.704.999	(3.114.087.229)	18.112.535.184
Lãi trong năm trước	-	-	-	241.847.579	241.847.579
Số dư tại ngày 31/12/2023	11.900.000.000	7.772.917.414	1.553.704.999	(2.872.239.650)	18.354.382.763
Số dư tại ngày 01/01/2024	11.900.000.000	7.772.917.414	1.553.704.999	(2.872.239.650)	18.354.382.763
Tăng trong năm	-	-	-	(1.049.936.293)	(1.049.936.293)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(1.049.936.293)	(1.049.936.293)
Số dư tại ngày 31/12/2024	11.900.000.000	7.772.917.414	1.553.704.999	(3.922.175.943)	17.304.446.470

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024 (Trình bày lại)		
	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP	60,000%	714.000	7.140.000.000	60,000%	714.000	7.140.000.000
Công ty TNHH ABC Group	7,966%	94.800	948.000.000	0,000%	-	-
Lê Quang Huy	5,958%	70.900	709.000.000	10,697%	127.300	1.273.000.000
Vốn cổ đông khác	26,076%	310.300	3.103.000.000	29,303%	348.700	3.487.000.000
Tổng	100,000%	1.190.000	11.900.000.000	100,000%	1.190.000	11.900.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn góp tại ngày đầu năm	11.900.000.000	11.900.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	11.900.000.000	11.900.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.190.000	1.190.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	1.190.000	1.190.000
Cổ phiếu phổ thông	1.190.000	1.190.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.190.000	1.190.000
Cổ phiếu phổ thông	1.190.000	1.190.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2024	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.772.917.414	7.772.917.414
Quỹ khác vốn chủ sở hữu	1.553.704.999	1.553.704.999
Tổng	9.326.622.413	9.326.622.413

5.15 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	932,05	932,05
Giá trị tương đương (VND)	23.534.263	21.536.879

b. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 688/HĐTĐ ngày 28/4/2005 với UBND tỉnh Tiền Giang, vị trí tại khu phố 1, phường 10, tỉnh Tiền Giang. Thời gian thuê từ ngày 01/01/1996 đến ngày 01/01/2046. Mục đích thuê: Để sử dụng làm văn phòng và nhà xưởng. Diện tích khu đất thuê là 12.461,2 m². Theo hợp đồng này Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.6.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	40.797.744.320	50.836.456.730
Tổng	40.797.744.320	50.836.456.730
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>	<i>24.570.493.990</i>	<i>40.589.749.240</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>		

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa và thành phẩm	38.579.059.008	47.716.871.920
Tổng	38.579.059.008	47.716.871.920

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.227.592	83.333.434
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	1.997.384	-
Tổng	5.224.976	83.333.434

6.4 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí bán hàng	266.358.772	801.767.685
Chi phí vật liệu, bao bì	6.517.366	921.267
Chi phí hoa hồng môi giới	-	512.585.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	256.174.148	231.856.116
Chi phí bằng tiền khác	3.667.258	56.405.002
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.785.345.826	2.794.347.909
Chi phí nhân viên quản lý	1.661.333.538	1.594.968.728
Chi phí vật liệu quản lý	72.138.615	117.431.911
Chi phí khấu hao TSCĐ	101.274.588	89.274.588
Thuế phí và lệ phí	144.922.083	140.592.677
Chi phí dự phòng	11.360.800	72.450.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	395.707.763	445.252.184
Chi phí bằng tiền khác	398.608.439	334.377.821
Tổng	3.051.704.598	3.596.115.594

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.5 Lợi nhuận khác

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thu nhập thanh lý TSCD	-	759.513.318
Các khoản khác	22.707	13.872
Tổng	22.707	759.527.190
<i>Chi phí khác</i>		
Chi phí thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	123.000.000	80.200.000
Các khoản phạt	95.400.593	44.282.261
Chi phí khác	3.764.097	-
Tổng	222.164.690	124.482.261
Lợi nhuận khác	(222.141.983)	635.044.929

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.049.936.293)	241.847.579
Các khoản điều chỉnh tăng:	218.400.593	124.482.261
<i>Chi phí thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	<i>123.000.000</i>	<i>80.200.000</i>
<i>Các khoản phạt vi phạm thuế</i>	<i>95.400.593</i>	<i>44.282.261</i>
Thu nhập chịu thuế	(831.535.700)	366.329.840
<i>Lỗ được kết chuyển</i>	<i>-</i>	<i>(366.329.840)</i>
Thu nhập tính thuế TNDN	(831.535.700)	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.049.936.293)	241.847.579
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.049.936.293)	241.847.579
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	1.190.000	1.190.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (i)	(882)	203

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.735.345.769	13.166.215.057
Chi phí nhân công	6.767.820.869	7.031.540.373
Chi phí khấu hao tài sản cố định	442.005.989	420.601.701
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.828.863.596	1.482.226.618
Chi phí khác bằng tiền	609.992.202	1.660.152.691
Chi phí dự phòng	11.360.800	72.450.000
Tổng	29.395.389.225	23.833.186.440

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Lương thực Vĩnh Long	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Lương thực Long An	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Lương thực Tiền Giang	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Lương thực Trà Vinh	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Lương thực Bến Tre	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Tổng Công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần - Chi Nhánh Thốt Nốt	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, và người quản lý khác

Lương, thưởng, thù lao Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lương Thành Phúc	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 27/4/2024)	15.400.000	-
Ông Trần Văn Quân	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2024)	8.800.000	-
Ông Ngô Sĩ Tuấn Phương	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 27/4/2023 và từ nhiệm từ ngày 18/12/2023)	5.200.000	10.000.000
Ông Mai Thành Công	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2023)	-	14.000.000
Ông Nguyễn Phạm Gia Bảo	Thành viên HĐQT	23.800.000	8.000.000
Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên HĐQT	23.800.000	8.000.000
Ông Trần Văn Tường	Thành viên HĐQT chuyên trách	175.300.000	134.282.600
Ông Trần Phương Thảo	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2023)	-	56.956.000
Ông Đoàn Thanh Phong	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2023)	-	133.528.200
Ông Trương Văn Hóa	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2023)	-	11.200.000

Lương, thưởng, thù lao Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương	Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 27/4/2024)	80.395.385	109.974.304
Ông Nguyễn Tấn Hưng	Thành viên	15.400.000	12.000.000
Ông Trịnh Hồng Long	Thành viên	15.400.000	5.000.000
Ông Nguyễn Trọng Tài	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2024)	7.000.000	5.000.000
Ông Lâm Anh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2023)	-	7.000.000

Thu nhập Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Hoàng Anh Tú	Giám đốc	216.036.154	107.486.062
Ông Trần Văn Tường	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2023)	-	44.340.000
Ông Nguyễn Hồng Nhân	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 11/4/2023)	-	43.624.415

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng			4.470.373	-
Công ty Lương thực Tiền Giang	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Mua hàng hoá	4.470.373	-
Bán hàng			24.570.493.990	40.589.749.240
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Bán thành phẩm	12.133.414.400	19.738.356.400
Công ty Lương thực Tiền Giang	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Bán thành phẩm	10.315.857.490	20.553.737.840
Công ty Lương thực Trà Vinh	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Bán thành phẩm	37.600.000	45.760.000
Công ty Lương thực Bến Tre	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Bán thành phẩm	159.607.100	195.895.000
Chi nhánh Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty cổ phần - Công ty Bột mì Bình Đông	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Bán thành phẩm	1.128.685.000	-
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần - Chi Nhánh Thốt Nốt	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Bán thành phẩm	357.400.000	-
Công ty Lương thực Long An	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Bán thành phẩm	407.930.000	-
Công ty Lương thực Vĩnh Long	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Bán thành phẩm	30.000.000	-
Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Bán thành phẩm	-	56.000.000

c. Số dư với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư công nợ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			1.744.561.596	3.240.497.657
Công ty Lương thực Tiền Giang	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Phải thu tiền bán hàng	879.233.528	2.083.649.357
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	Công ty con của Công ty mẹ	Phải thu tiền bán hàng	640.000.000	640.000.000
Công ty Lương thực Bến Tre	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Phải thu tiền bán hàng	77.735.268	154.735.100
Chi nhánh Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty cổ phần - Công ty Bột mì Bình Đông	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Phải thu tiền bán hàng	147.592.800	-
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Phải thu tiền bán hàng	-	362.113.200

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG
Khu phố Trung Lương, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho,
Tỉnh Tiền Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Giám đốc Công ty quyết định trình bày lại số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 nhằm đảm bảo cho Báo cáo tài chính được trình bày đầy đủ thông tin và phù hợp với số trình bày kỳ này, cụ thể:

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính:

Chi tiết vốn chủ sở hữu:

Đối tượng	Tại ngày 01/01/2024 (Số trình bày lại)			Tại ngày 01/01/2024 (Số đã trình bày)			Chênh lệch	
	Tỷ lệ		Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá VND	Tỷ lệ		Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá VND	Tỷ lệ	
	%	Số cổ phần		%	Số cổ phần		%	Số cổ phần
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP	60%	714.000	7.140.000.000	60%	714.000	7.140.000.000	0%	-
Lê Quang Huy	10,697%	127.300	1.273.000.000	0%	-	-	10,697%	127.300
Vốn cổ đông khác	29,303%	348.700	3.487.000.000	40%	476.000	4.760.000.000	-10,697%	(127.300)
Tổng	100%	1.190.000	11.900.000.000	100%	1.190.000	11.900.000.000	0%	-

Ngày 28 tháng 02 năm 2025
Giám đốc

Người lập

Phụ trách kế toán

Trương Nhã Trúc

Trương Nhã Trúc

Hoàng Anh Tú



Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org